



Tín ngưỡng thờ nữ thần ở Gia Lai

Goddess worship in Gia Lai

Luu Hồng Sơn^a, Ngô Minh Hiệp^{a*}

Luu Hong Son^a, Ngo Minh Hiep^{a*}

^aKhoa Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường Ngôn ngữ - Xã hội Nhân văn, Đại học Duy Tân, Đà Nẵng, Việt Nam

^aFaculty of Social Sciences and Humanities, School of Languages, Humanities and Social Sciences, Duy Tan University, Da Nang, 550000, Vietnam

(Ngày nhận bài: 05/08/2024, ngày phản biện xong: 13/08/2024, ngày chấp nhận đăng: 27/08/2024)

Tóm tắt

Nghiên cứu này khảo sát tín ngưỡng thờ nữ thần của người Kinh tại Gia Lai. Kết quả điều tra cho thấy, tại Gia Lai tín ngưỡng thờ nữ thần khá phong phú với 12 vị được tín phụng. Trong đó 7 vị được nhà Nguyễn công nhận chính thức bằng sắc phong, 5 vị khác có mặt phổ biến trong văn tế các đình miếu và được thờ tự tại các đình, miếu, dinh. Hệ thống tín ngưỡng nữ thần Gia Lai có 2 nhóm chính: nhóm nữ thần của các dân tộc cư trú lâu đời trước người Kinh, nhóm nữ thần du nhập từ ngoại quốc. Sự dung hòa trong tín ngưỡng này là kết quả của sự giao lưu văn hóa giữa các dân tộc, trong đó người Kinh đóng vai trò chủ động và là trung tâm tiếp nhận.

Từ khóa: nữ thần; tín ngưỡng; sắc phong; dân gian; Gia Lai.

Abstract

This study examines the goddess worship of the Kinh people in Gia Lai. The survey results show that: in Gia Lai, the goddess worship is quite rich with 12 worshiped deities. Of which, seven deities were officially recognized by the Nguyen Dynasty with the decree of deification, the other five are commonly present in the funeral orations of temples and are worshiped in temples, and shrines. The system of goddess worship in Gia Lai has two main groups: the goddess group of ethnic groups that have long lived before the Kinh people, and the goddess group imported from abroad. The harmony in this belief is the result of cultural exchange between ethnic groups, in which the Kinh people play a proactive role and are the center of reception.

Keywords: goddess; belief; decree; folk; Gia Lai.

1. Giới thiệu

Gia Lai là địa phương đứng thứ hai cả nước về diện tích với hơn 15.000km², nhưng dân cư thưa thớt với tổng số hơn 1,5 triệu người. Tuy vậy, đây là vùng đất đa dạng phong phú với hơn

40 dân tộc anh em cùng sinh sống, tạo nên sự đa dạng trong văn hóa tín ngưỡng. Trong số đó, tổng số người Kinh tại Gia Lai trước năm 1985 thuộc về “dân tộc thiểu số” so với các dân tộc tại chỗ là Bana và Jrai. Từ sau năm 1986, số lượng

*Tác giả liên hệ: Ngô Minh Hiệp

Email: ngominhhiiep234@gmail.com

người Kinh đã ngày càng tăng cao và đến nay trở thành dân tộc đa số.

Về phân chia hành chính, hiện Gia Lai có 1 thành phố, 2 thị xã và 14 huyện. Trong đó các vùng người Kinh sinh sống lâu đời nhất và tập trung tại thị xã An Khê, huyện Đak Pơ, huyện Krông Pa và thành phố Pleiku. Đây cũng là những địa phương có tín ngưỡng của người Kinh phong phú nhất với sự xuất hiện của nhiều đình, đền, miếu... - nơi thờ phụng các vị thần linh.

Theo thống kê sơ bộ từ cuộc khảo sát điều tra năm 2022 của chúng tôi khi thực hiện đề tài “Bảo tồn và phát huy giá trị di sản Hán - Nôm trên địa bàn tỉnh Gia Lai”, toàn tỉnh Gia Lai hiện có hơn 20 ngôi đình, 30 ngôi miếu quy mô lớn và trung bình (không kể những miếu nhỏ), với hàng chục vị thần linh được thờ phụng trong dân gian. Trong đó có 13 vị thần được triều đình nhà Nguyễn công nhận chính thức bằng sắc phong. Riêng về hệ thống nữ thần, không kể trong hệ thống tôn giáo (Phật giáo, Công giáo, Cao Đài,...), chỉ kể trong các đình miếu, có 12 vị, trong đó 07 vị được nhà Nguyễn chính thức công nhận và tặng sắc văn phong hiệu.

2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này sử dụng phương pháp điền dã dân tộc học, khảo sát trực tiếp tất cả các đình miếu tại Gia Lai được nhắc đến trong bài viết, thu thập hình ảnh, văn bản, thông tin liên quan, bao gồm phỏng vấn sâu một số người địa phương. Kết hợp phương pháp khảo sát văn bản Hán Nôm học để xác định tính chân - ngụy, niên đại, đặc thù của văn bản, văn tự trong các sắc phong, văn tế; phương pháp so sánh đối chiếu để

chỉ ra những điểm tương đồng và khác biệt về tín ngưỡng nữ thần giữa các địa phương thuộc Gia Lai và giữa Gia Lai với các tỉnh thành khác trong nước.

3. Kết quả nghiên cứu

Kết quả thống kê từ các cuộc điều tra khảo sát của chúng tôi cho thấy, tại Gia Lai có ít nhất 12 vị nữ thần được người dân xây đình, miếu thờ phụng. Các tín ngưỡng này hình thành và hưng thịnh trong khoảng thời gian từ cuối thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX (tức là tương ứng từ thời Tự Đức đến Bảo Đại) và tập trung chủ yếu tại An Khê, Đak Pơ - những vùng có người Kinh cư trú lâu đời nhất ở phía đông tỉnh Gia Lai, trước kia thuộc phía tây tỉnh Bình Định.

3.1. Các nữ thần được sắc phong

Tại Gia Lai, toàn bộ sắc phong thần được cất giữ tại đình hoặc tư gia người thủ sắc thuộc ban nghi lễ đình làng. Theo thống kê của chúng tôi, khu vực thị xã An Khê, có 6 ngôi đình thờ nữ thần Thiên Y A Na: đình An Khê (phường Tây Sơn), đình Tân Tạo (xã Thành An), đình Cửu Định (phường An Phước), đình An Dân, đình Tân Lai, đình An Cư (phường An Bình); 1 ngôi đình thờ Ngũ Hành Tiên Nương là đình An Khê và 1 ngôi đình thờ Ngũ Đức Tôn Thần là đình Tân An (phường An Bình). Còn tại huyện Đak Pơ, có 4 ngôi đình thờ Thiên Y A Na: đình An Thuận (xã Tân An), đình Tân Phong, đình Chí Thành (cùng xã Tân An) và đình Chí Công (xã Cư An); 1 ngôi đình thờ thần Ngũ Hành Tiên Nương và 1 ngôi đình thờ thần Cửu Thiên Huyền Nữ cùng ở đình An Thuận.

Bảng 1. Thống kê các nữ thần được sắc phong tại Gia Lai

STT	Danh hiệu	Địa chỉ thờ	Phong hiệu	Phẩm trật	Niên hiệu, niên đại
1	Thiên Y A Na Diễn Ngọc Phi	- Tại An Khê:			
		Đình An Khê, đình Tân Tạo, đình Cửu Định, đình An Dân, đình Tân Lai	弘惠Hoàng Huệ 普濟Phổ Tế 靈感Linh Cảm 妙通Diệu Thông 默相Mặc Tướng 莊徽Trang Huy 翊保Dực Bảo 中興Trung Hưng	Thượng đẳng thần	Duy Tân, 1911
		Đình An Cư	Trang Huy Dực Bảo Trung Hưng	Thượng đẳng thần	Bảo Đại, 1933
		- Tại Đak Pơ:			
	Đình An Thuận, đình Tân Phong, đình Chí Công	Hoàng Huệ Phổ Tế Linh Cảm Diệu Thông Mặc Tướng Trang Huy Dực Bảo Trung Hưng	Thượng đẳng thần	Duy Tân, 1911	
Thiên Y A Na Diễn Ngọc Phi Thánh Mẫu	Đình Chí Thành	Trang Huy Dực Bảo Trung Hưng	Thượng đẳng thần	Bảo Đại, 1941	
2	Cửu Thiên Huyền Nữ	Đình An Thuận	Dực Bảo Trung Hưng	Thượng đẳng thần	Duy Tân, 1911
3	Ngũ Hành Tiên Nương	Đình An Khê, đình An Thuận	贊化Tán Hóa 默運Mặc Vận 順成Thuận Thành 和序Hòa Tự 資元Tur Nguyên Trang Huy Dực Bảo Trung Hưng	Thượng đẳng thần	Duy Tân, 1911
4	Ngũ Đức Tôn Thần: Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ	Đình Tân An	齋淑Trai Thục Dực Bảo Trung Hưng	Trung đẳng thần	Duy Tân, 1911

3.1.1. Thiên Y A Na (天依阿那)

Thiên Y A Na có nguồn gốc Chăm với nhiều tên gọi Po Ina Nagar, Pô Inu Nugar. Từ cuối thế kỷ thứ VIII đến giữa thế kỷ XIII, bà được Vua Champa tấn phong 4 lần với 4 danh hiệu khác nhau: Sri Satya Mukhalinga, Bhagavati Kautharesvati, Yang Pu Nagar, Bhagavati Martrilingesvara, được dân gian gọi là “Po Patao Kumei” (Vua Bà) hoặc “Muk Juk” (Bà Đen). Hiện nay người Chăm còn lưu giữ được bài tụng ca về vị nữ thần này và được họ hát lên trong các

ngày lễ, trong đó nói về quyền lực và công lao của bà Thiên Y:

“Ngài là nữ thần mẹ của vương quốc,

Ngài tạo dựng nên vùng đất cho cây cối và rừng gỗ quý sinh sôi,

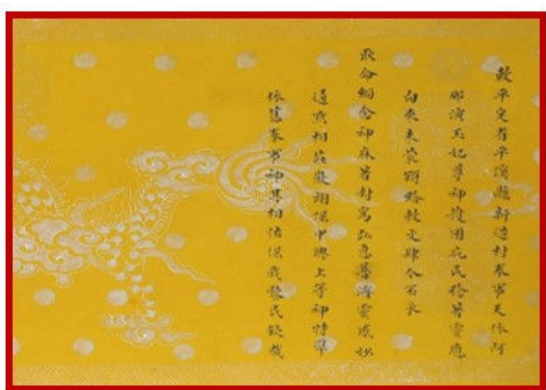
Ngài gây giống lúa và dạy dân trồng lúa” [1; 622- 623].

Thiên Y A Na được người Kinh thường gọi là Bà Chúa Xứ, Chúa Tiên, Chúa Ngọc, Thiên Y Tiên Nữ, Thiên Y A Na Diễn Phi Chúa Ngọc Thánh Phi. Truyền thuyết dân gian ở Phú Yên

còn cho rằng Thiên Y A Na là “người sinh ra các dòng họ và trị vì đất nước”, “vì có công lao trong việc dạy dân làm ăn, nên khi mất, nhân dân trong vùng [núi Nhận-TG] xây tháp thờ Bà và được nhà vua ban sắc phong, với thần hiệu là Thượng Đỉnh Chúa Thiết A Na Diễn Ngọc Phi, tục gọi Bà Chúa Sắt” [2; 249-250]. Tuy nhiên, khi xem 3 đạo sắc phong ở huyện Đồng Xuân, Phú Yên, dành cho bà Thiên Y được dẫn nguyên văn trong sách *Di sản văn hóa Phú Yên*, gồm sắc cấp cho thôn An Thành và thôn Trung An thời Tự Đức, cho thôn Trung Trinh thời Đồng Khánh, thì thần hiệu đều không thấy danh hiệu “Chúa

Thiết” hay “Chúa Sắt” [2; 250-253], có lẽ đây là cách gọi lưu hành trong dân gian.

Trong các sắc phong, danh hiệu đầy đủ của bà Thiên Y phổ biến nhất là “Thiên Y A Na Diễn Ngọc Phi” hoặc ít phổ biến hơn là “Thiên Y A Na Diễn Ngọc Phi Thánh Mẫu” với mỹ tự “Hoàng Huệ Phổ Tế Linh Cảm Diệu Thông Mặc Tướng Trang Huy Dục Bảo Trung Hưng” diễn tả đức độ quyền uy rộng lớn và sự huyền diệu linh thiêng cũng như công lao phò dân giúp nước của bà. Người địa phương vùng An Khê ở Gia Lai gọi một cách thành kính, thân thương và ngắn gọn là “Bà Thiên Y” hoặc “Bà A Na”.



Hình 1. Sắc phong dành cho thần Thiên Y A Na, thôn Tân Tạo, năm 1911.



Hình 2. Sắc phong dành cho Cửu Thiên Huyền Nữ, thôn An Thuận, năm 1911.

Nguồn [3; 245].

Thời Nguyễn, nhiều sắc thần đều phong Thiên Y A Na vào bậc “Thượng đẳng thần” là thứ hạng cao nhất trong số ba cấp thần linh được phong sắc (Thượng đẳng thần, Trung đẳng thần, Hạ đẳng thần). Tại Gia Lai hiện còn 11 ngôi đình giữ được sắc thần với tổng số 26 đạo (tính cả sắc hợp phong cho bà Thiên Y và Ngũ Hành Tiên Nương tại đình An Khê đã không còn bản gốc, nhưng còn bản kê từ năm 1936 hiện lưu tại đình. Ở đây chưa kể những đình miếu từng có sắc phong nhưng người địa phương báo là đã mất hoặc hư hỏng như đình Cửu An và đình An Thượng ở An Khê, đình An Mỹ ở Pleiku và các bài văn cúng khác). Trong đó 10/11 số đình có sắc phong dành cho bà Thiên Y và 8/10 là sắc

riêng phong cho mình bà, chỉ có 2/10 sắc là hợp phong bà với Ngũ Hành Tiên Nương (đình An Khê và đình An Thuận). Điều này cho thấy, tính phổ biến đến mức áp đảo về tín ngưỡng Thiên Y A Na tại vùng An Khê và Đak Pơ. Theo chúng tôi hầu như nơi nào tại đây có đình miếu thì nơi đó có thờ vị nữ thần này. Dưới đây chúng tôi xin giới thiệu toàn văn nội dung đạo sắc phong cho bà Thiên Y muện nhất tại Gia Lai, hiện được lưu thờ tại đình Chí Thành:

Phiên âm:

Sắc Côn Tung tỉnh, Tân An huyện, Chí Thành xã phụng sự Thiên Y A Na Diễn Ngọc Phi Thánh Mẫu tôn thần. Hộ quốc tế dân, nhằm trước linh ứng. Từ kim phi thừa cảnh mệnh miến niệm thần

hưu, trước phong vi: Trang Huy Dực Bảo Trung Hưng Thượng đẳng thần. Chuẩn kỳ phụng sự thứ cơ. Thần kỳ tương hựu bảo ngã lê dân. Khâm tai.

Bảo Đại thập lục niên, nhị nguyệt, sơ bát nhật.

Triện: Sắc Mệnh Chi Bảo

Dịch nghĩa:

Lệnh cho xã Chí Thành, huyện Tân An, tỉnh Kon Tum thờ phụng tôn thần Thiên Y A Na Diễn Ngọc Phi Thánh Mẫu. Ngài có công giúp nước che dân, linh ứng đã lâu. Nay ta nổi nghiệp lớn theo mệnh trời, nghĩ đến công lao của Ngài, nên phong tặng danh hiệu là: Trang Huy Dực Bảo Trung Hưng, bậc Thượng đẳng thần. Chuẩn cho xã dân phụng thờ. Mong Ngài hãy bảo vệ che chở cho con dân của ta.

Kính lạy.

Ngày mừng 8 tháng 2 năm Bảo Đại 16 (1941).

Nếu tính cả các đình miếu đã mất hoặc không có sắc thần, thì hầu hết các cơ sở tín ngưỡng ở vùng An Khê, Đak Pơ ngày nay đều có thờ bà Thiên Y. Điều này cho thấy tín ngưỡng thờ nữ thần Thiên Y từng rất phổ biến tại vùng đất phía đông tỉnh Gia Lai.

Tuy nhiên, tín ngưỡng bà Thiên Y hiện nay tại Gia Lai đã mai một đi khá nhiều, rất ít người địa phương còn biết tác dụng cũng như nghi thức riêng trong việc thờ cúng bà. Ngay cả nghi lễ quan trọng nhất gắn liền với tín ngưỡng bà Thiên Y là lễ “Tá thổ” ở vùng Cửu An – An Khê, giờ đây cũng chỉ còn mang tính tượng trưng, tương tự các lễ cúng khác như cúng Khai sơn, cúng Thanh minh, cúng Tiên hiền, cúng Thành hoàng. Vai trò của bà Thiên Y trong tâm thức người dân mờ dần theo tháng năm, dù rằng danh hiệu và quyền lực của bà vẫn được xướng lên một cách trang trọng trong các bài văn cúng đọc trong những ngày lễ.

Nơi thờ bà Thiên Y được người An Khê gọi là “đình Bà” hoặc “miếu Bà”, quy mô xây dựng thường nhỏ hơn so với đình. Bên ngoài có nhà

ngõ (hình hộp, cổng một lối vào, có cổ lầu), bình phong, trụ biểu; vào trong có chánh điện với chánh tẩm là nơi thờ thần chủ và các tùy tùng được phối thờ hai bên (tả ban, hữu ban). Cấu trúc này có thể nhìn thấy ở đình Bà (tức miếu An Điền) và miếu An Tân phía đông bắc và đông nam trung tâm hành chính thị xã.

Tín ngưỡng bà Thiên Y cũng là một minh chứng cho sự giao thoa hòa quyện tín ngưỡng của văn hóa Champa với người Việt và các dân tộc anh em khác tại Gia Lai.

3.1.2. Cửu Thiên Huyền Nữ (九天玄女)

“Cửu Thiên Huyền Nữ” xuất hiện trong thần phổ Trung Quốc ban đầu với tư cách là nữ thần nắm giữ các bí thuật luyện thuốc, bói toán và chiến trận, có vị trí rất cao trong Đạo giáo, sau đó xâm nhập vào tín ngưỡng dân gian và văn học, trở thành vị thần độ mạng và độ sinh [4; 96].

Tại Việt Nam, trong dân gian bà thường được gọi là “Bà Cửu Thiên”, “Mẹ Cửu Thiên”, được thờ cúng như là vị thần bảo trợ bách nghệ, độ mạng cho nữ giới [5; 76]; trong điện thờ bà được tôn xưng là Cửu Thiên Thánh Tổ, Cửu Thiên Huyền Nữ Tiên Phi [6; 21-22]. Tại Thành phố Hồ Chí Minh, bà Cửu Thiên được thờ phụng khá phổ biến trong các ngôi chùa (miếu) của người Hoa [7; 609] - người dân ở đây tin rằng bà có khả năng ban tài lộc, giúp cho phụ nữ người Hoa sinh được con trai để nối dõi tông đường [8; 509]. Tại Nam bộ nói chung, tình hình cũng như vậy, bà Cửu Thiên được thờ cả trong và ngoài chánh điện của đình [5; 77].

Nhà nghiên cứu người Nhật Onishi Kazuhiko cho rằng tín ngưỡng thờ bà Cửu Thiên tại Việt Nam có từ thời Lý. Nhà Việt Nam học người Pháp Gustave Dumoutier (1850 - 1904) cho biết tục vẽ cung tên trên sân nhà của người Việt vào ngày 30 Tết trừ tà ma gắn với Cửu Thiên Huyền Nữ [6; 18-19]. Thực tế trong tín ngưỡng dân gian Việt Nam, bà Cửu Thiên được đại chúng thờ phụng phổ biến với tư cách là vị thần “độ mạng” tức phù hộ cứu giúp bảo trợ cho nữ giới, cũng

như trường hợp ông Quan Thánh được đại chúng thờ phụng phổ biến với tư cách là vị thần “độ mạng” của nam giới.

Đạo phù thủy ở nước ta lưu truyền sách *Bộ phù Cửu Thiên huyền nữ* nói về các loại bùa chú liên quan đến vị nữ thần này, trong đó có bùa kết duyên vợ chồng, bùa giải nghiệp oan trái. Chúng ta có thể nhận biết tín ngưỡng bà Cửu Thiên trong dân gian thông qua một số biểu hiện cụ thể. Tranh thờ bà Cửu Thiên trong dân gian thường có mấy chữ “phong điều vũ thuận” (mưa thuận gió hòa), “bình an” hoặc câu thơ đối “Đào hoa chiêu thánh nữ, Xuân sắc tập thần tiên”. Có nơi lập riêng đền thờ cho bà, như “Đền Cửu Thiên Huyền Nữ” hay tên gọi khác là “Cửu Thiên cung”, “Đền Bắc Hòa” ở phường Lê Lợi, thành phố Hưng Yên. Tổng hợp các thông tin như thế, chúng ta có thể biết rằng, trong dân gian Cửu Thiên Huyền Nữ là vị nữ thần có nhiều quyền năng, có thể khiến thời tiết thuận lợi cho mùa màng, người và vật được yên ổn, se duyên cho nam nữ, cứu nguy trừ tà,...

Tại Hội An, có nơi còn giữ được nhiều sắc văn do nhà Nguyễn phong cho bà Cửu Thiên, như làng Sơn Phong còn 7 đạo, làng Cẩm Phô còn 2 đạo, niên đại kéo dài từ 1826 thời Minh Mạng đến 1924 thời Khải Định [9].

Ở Gia Lai hiện nay chỉ còn thấy tại đình An Thuận còn 1 đạo sắc riêng phong cho bà Cửu Thiên năm 1911 thời vua Duy Tân với danh hiệu ngắn gọn chỉ gồm 4 chữ “Dục Bảo Trung Hưng” do công lao “hộ quốc tì dân hiển hữu công đức” (trợ giúp quốc gia, che chở dân chúng, tỏ rõ công đức). Xét về tần số xuất hiện trong các văn bản Hán Nôm hiện còn lưu giữ được tại Gia Lai, thì ảnh hưởng của bà Cửu Thiên hạn hẹp hơn khá nhiều so với bà Thiên Y, Chúa Ngung Man Nương, Vạn Phước Phu Nhân và Hỏa Hồng Thần Nữ (bà Hỏa). Tuy nhiên, tại Gia Lai, bà Cửu Thiên lại có điểm đặc biệt mà các vị nữ thần khác tại tỉnh này không có, là ngoài đình thần, bà còn được thờ phụng trong thánh thất đạo Cao

Đài, như thánh thất Lê Trung (phường Ia Kring, thành phố Pleiku). Dưới đây chúng tôi xin giới thiệu toàn văn nội dung đạo sắc phong cho bà Cửu Thiên hiện đang được lưu thờ tại đình An Thuận (An Khê):

Phiên âm:

Sắc Bình Định tỉnh, Bình Khê huyện, An Thuận thôn, phụng sự Cửu Thiên Huyền Nữ.

Hộ quốc tì dân, hiển hữu công đức, hướng lai vị mông ban cấp sắc chỉ. Tứ kim phi ung cảnh mệnh thị nhược tiền hiển trứ gia: Dục Bảo - Trung Hưng. Đặc chuẩn y cựu phụng sự dụng đáp thần hưu.

Khâm tai.

Duy Tân ngũ niên, nhuận lục nguyệt, sơ bát nhật.

Triện: Sắc Mệnh Chi Bảo

Dịch nghĩa:

Sắc cho thôn An Thuận, huyện Bình Khê, tỉnh Bình Định, phụng thờ thần Cửu Thiên Huyền Nữ.

Ngài giúp nước che dân, công đức rõ ràng, mà trước đây chưa được ban cấp sắc chỉ. Nay ta lãnh mạng trời giao, phong tặng mỹ hiệu là: Dục Bảo - Trung Hưng, để đáp tạ công lao của ngài. Chuẩn cho thờ phụng theo lệ cũ. Mong ngài che chở cho con dân của ta.

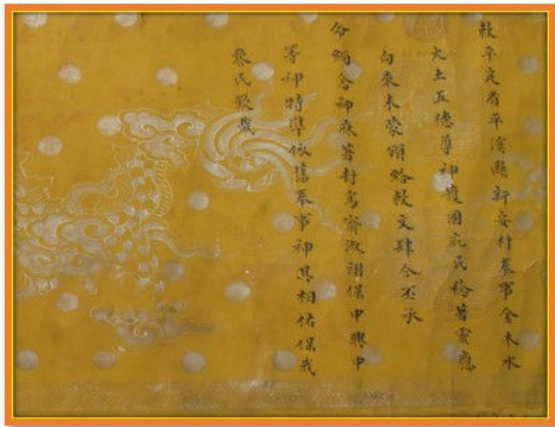
Nay sắc.

Ngày mùng 8 tháng 6 nhuận, năm Duy Tân thứ 5 (1911).

3.1.3. Ngũ Hành Tiên Nương (五行仙娘)

Đối với “Ngũ Hành” theo quan niệm triết học của nhiều nước phương Đông, trong đó có Việt Nam, là các yếu tố tạo ra sự sống và duy trì sự cân bằng của vạn vật. Người ta đã đúc kết quan niệm này nhờ vào sự quan sát mối quan hệ “tương sinh” và “tương khắc” giữa các sự vật hiện tượng chung quanh mình, thậm chí bao gồm các hiện tượng tâm linh và sự vận hành trong vũ trụ, từ đó qui ước thành 5 yếu tố đại diện: Kim -

Mộc - Thủy - Hỏa - Thổ với 5 màu sắc tương ứng là: trắng - xanh - đen - đỏ - vàng. Trong quan niệm của dân gian, Ngũ Hành thuộc về âm tính, nữ giới, nên chúng được nhân hóa thành các “Bà”, “Mẹ”, “Cô”, “Tiên nương”, “Thánh phi”,... phổ biến nhất trong dân gian là danh xưng “Bà Ngũ Hành”. Nhiều nơi chỉ thờ bà Ngũ Hành



Hình 3. Sắc phong dành cho Ngũ Đức Tôn Thần, thôn Tân An, năm 1911

bằng bài vị viết chữ Nho “Ngũ Hành Nương Nương” hoặc được xưng tên trong nghi lễ thông qua việc đọc văn tế. Một số nơi bà Ngũ Hành được hình tượng hóa thành các bức tượng và để dễ nhận biết danh hiệu của từng người, dân gian đã tô màu hoặc khoác cho từng người tằm áo choàng với 5 màu khác nhau như đã nói ở trên.



Hình 4. Sắc phong dành cho Ngũ Hành Tiên Nương và Thiên Y A Na, thôn An Thuận, năm 1911

Nguồn [3; 246]

Tục thờ bà Ngũ Hành khá phổ biến trong dân gian nước ta, nhất là vùng miền Trung và Nam. Tại Thừa Thiên Huế có hàng chục sắc phong tặng dành cho thần Ngũ Hành, trong đó có sắc được phong từ năm 1845 thời vua Thiệu Trị, với mỹ hiệu “Tán Hóa Mặc Vận Thuận Thành Ngũ Hành Thượng đẳng thần”; đến sắc được phong từ năm 1924 thời vua Khải Định, mỹ hiệu gia tặng thêm mấy chữ “Hòa Tự Tư Nguyên Trang Huy Dục Bảo Trung Hưng Ngũ Hành Tiên Nương Thượng đẳng thần” [10; 103]. Từ việc phân tích dữ liệu được ghi nhận trong sách *Sắc phong triều Nguyễn trên địa bàn Thừa Thiên Huế*, chúng tôi thấy 5 bà có khi được phong chung một sắc và không ghi rõ danh hiệu từng vị như các trường hợp vừa nêu, có khi được phong chung một sắc và ghi rõ danh hiệu của từng vị như trường hợp sắc năm 1880 thời vua Tự Đức phong cấp cho xã An Truyền, huyện Phú Vang, phủ Thừa Thiên: “Chiêu Hiển Hiệu Ứng Hòa Nghĩa Lợi Vật Kim Đức”, “Thanh Tú Kiên Trực

Vinh Mậu Quảng Âm Linh Thủy Mộc Đức”, “Duong Trạch Hiển Linh Hoàng Triêm Bác Nhuận Linh Thủy Thủy Đức”, “Hoàng Đại Hậu Khánh Trọng Hậu Hàm Dục Linh Thủy Thổ Đức”, “Ôn Hậu Quang Ứng Chiêu Cảm Lệ Minh Linh Thủy Hỏa Đức”, cả 5 bà đều được xếp hạng Trung đẳng thần.

Cũng tại phủ Thừa Thiên xưa, có khi 2 bà được phong chung 1 sắc như sắc hợp phong cho bà Thổ và bà Hỏa cùng bà Thiên Y, Nam Hải Tứ Vị ở xã Đốc Sơ, huyện Hương Trà năm 1880 (thời Tự Đức) và xã Uất Mậu, huyện Quảng Điền năm 1887 (thời Đồng Khánh) hoặc năm 1909 thời Duy Tân [10; 253- 336]; hoặc có khi 3, 4 bà được phong chung 1 sắc, như bà Kim - bà Mộc - bà Thủy ở xã An Truyền, huyện Phú Vang; bà Thủy - bà Mộc - bà Hỏa - bà Thổ ở xã An Thành, huyện Quảng Điền năm 1880 (thời Tự Đức). Cũng có khá nhiều trường hợp các bà trong nhóm Ngũ Hành được phong tặng sắc văn riêng, nhiều nhất là bà Hỏa và bà Thủy Long, ít

có sắc riêng cũng như miếu dinh thờ riêng nhất là bà Kim và bà Mộc.

Trên cả nước, có rất nhiều dinh miếu lớn nhỏ được xây dựng để dành riêng cho các bà. Tại Gia Lai, tục thờ bà Ngũ Hành từng khá phổ biến tại vùng An Khê xưa và đến nay còn lưu dấu tích cụ thể trên 3 đạo sắc thần: Sắc Ngũ Hành Tiên Nương (hợp phong với Thiên Y A Na) ở đình An Khê và đình An Thuận, riêng sắc tại đình Tân An thì được gọi là “Kim - Mộc - Thủy - Hỏa - Thổ Ngũ Đức tôn thần”. Ba ngôi đình cũng tức ba làng này tọa lạc tại vị trí khá xa nhau, chứng tỏ tín ngưỡng Ngũ Hành đã có thời gian thịnh hành, ảnh hưởng khá sâu rộng đến đời sống văn hóa tinh thần của cư dân vùng đất này.

Dưới đây chúng tôi xin giới thiệu toàn văn nội dung đạo sắc phong cho bà Ngũ Hành Tiên Nương hiện đang được lưu thờ tại đình An Thuận:

Phiên âm:

Sắc Bình Định tỉnh, Bình Khê huyện, An Thuận thôn, phụng sự Ngũ Hành tiên nương tôn thần, Thiên Y A Na Diễn Ngọc Phi tôn thần.

Hộ quốc tí dân, năm trứ linh ứng, hướng lai vị mông ban cấp sắc văn. Tứ kim phi thừa cảnh mệnh miến niệm thần huu, kì Ngũ Hành tiên nương trứ phong: Tán hóa - Mặc vận - Thuận thành - Hòa tự - Tư nguyên - Trang huy - Dực bảo - Trung hưng thượng đẳng thần, Thiên Y A Na Diễn Ngọc Phi trứ phong: Hoằng huệ - Phổ tế, Linh cảm - Diệu thông - Dực bảo - Trung hưng Thượng đẳng thần. Đặc chuẩn y cựu phụng sự. Thần kì tương hựu, bảo ngã lễ dân.

Khâm tai.

Duy Tân ngũ niên, nhuận lục nguyệt, sơ bát nhật.

Triện: Sắc Mệnh Chi Bảo

Dịch nghĩa:

Sắc cho thôn An Thuận, huyện Bình Khê, tỉnh Bình Định, phụng thờ Ngũ Hành tiên nương và Thiên Y A Na Diễn Ngọc Phi.

Các ngài giúp nước che dân, linh ứng đã lâu, mà trước đây chưa được ban cấp sắc văn. Nay ta lãnh mạng trời giao, nghĩ đến công lao các ngài, nên phong tặng mỹ hiệu cho Ngũ Hành tiên nương là Tán hóa - Mặc vận - Thuận thành - Hòa tự - Tư nguyên - Trang huy - Dực bảo - Trung hưng, bậc Thượng đẳng thần, phong tặng mỹ hiệu cho ngài Thiên Y A Na Diễn Ngọc Phi là Hoằng huệ - Phổ tế, Linh cảm - Diệu thông - Dực bảo - Trung hưng, bậc Thượng đẳng thần. Chuẩn cho thờ phụng theo lệ cũ. Mong các ngài che chở cho con dân của ta.

Nay sắc.

Ngày mùng 8 tháng 6 nhuận, năm Duy Tân thứ 5 (1911).

3.2. Các vị nữ thần khác

Ngoài 7 vị nữ thần được nhà nước phong kiến phong tặng danh hiệu và cho thờ tự như những vị thần chính thức tại địa phương, thì trong tín ngưỡng (dân gian) nữ thần của người Kinh ở An Khê, Gia Lai còn nhiều vị khác được người dân thờ phụng trong các miếu, dinh, văn tế.

Bảng 2. Danh sách các vị nữ thần được thờ tự ở tỉnh Gia Lai

STT	Danh hiệu	Nơi được ghi danh	Nơi thờ
1	Thủy Long Thần Nữ	Văn tế, miếu	Miếu An Xuyên, phường Tây Sơn, thị xã An Khê
2	Chúa Ngung Man Nương	Văn tế	Đình Cửu An, xã Cửu An, thị xã An Khê;
3	Vạn Phước Phu Nhân	Văn tế	Đình Cửu An
4	Hỏa Hồng Thần Nữ	Văn tế, dinh thờ	Đình Tân An, phường An Bình, thị xã An Khê; miếu An Xuyên
5	Bạch Thố Kim Tinh	Văn tế	Đình Tân An

3.2.1. Thủy Long Thần Nữ 水龍神女

Tên vị thần này còn được gọi là Thủy Long Thần Nữ Nương Nương, bà Thủy Long. Bà được dân gian xem là vị thần cai quản thủy vực bao gồm sông biển ao hồ, giếng nước và bảo trợ cho những người làm nghề chài lưới, được thờ cúng nhiều tại vùng duyên hải.

Sùng bái nước thuộc về tín ngưỡng nguyên thủy phổ biến, sau đó dần dần được hình tượng hóa, lý luận hóa, tôn giáo hóa. Tín ngưỡng thờ bà Thủy Long có mối quan hệ vừa nguyên hợp vừa tách biệt, vừa tiếp nối vừa sáng tạo ở tín ngưỡng thờ nước truyền thống với tôn giáo Phật giáo của người Việt từ Pháp Vân trong Tứ Pháp (Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Lôi, Pháp Điện), đến Mẫu Thoải trong Tứ Phủ (Mẫu Thiên, Mẫu Thoải, Mẫu Thượng Ngàn, Mẫu Địa) và Thủy Đức thánh nương trong Ngũ Đức tôn thần hay Thủy Đức tiên nương trong Ngũ Hành tiên nương (Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ). Như vậy, tín ngưỡng thờ bà Thủy Long với tư cách là vị thần cai quản vùng sông biển có nguồn gốc sâu xa và rộng rãi, không phải là tín ngưỡng mới và cá biệt mà nó phổ biến đối với cư dân nông nghiệp, sông nước ven biển.

Thời Nguyễn, bà Thủy Long được cấp sắc phong tặng danh hiệu “Linh diệu Chiêu ứng” xếp vào bậc Trung đẳng thần như thấy ở sắc phong Thủy Long Thánh Phi cho xã An Thành huyện Quảng Điền (nay thuộc Thừa Thiên Huế) năm 1826, thời vua Minh Mạng [10; 464], hay ở sắc phong Thủy Long thần nữ cấp cho xã Nam Thọ, huyện Hòa Vang thuộc tỉnh Quảng Nam năm 1918 (thời vua Khải Định) với mỹ hiệu “Uông nhuận Dực bảo Trung hưng” xếp vào bậc Trung đẳng thần [10; 147].

Trong phần lớn các sắc phong, bà Thủy Long tồn tại độc lập, tuy nhiên có đôi khi bà được hợp phong chung với một số vị nữ thần khác trong hệ Ngũ Hành. Ví dụ sắc năm 1887 thời Đồng Khánh cấp cho xã An Thành, huyện Quảng Điền, phủ Thừa Thiên đặt bà Thủy Long bên

cạnh bà Mộc, bà Hỏa, bà Thổ, với danh hiệu “Trứ linh Chiêu ứng Mục uyên Hoàng bác Uông nhuận Thủy Long trung đẳng thần” [10; 252]. Điều này cho thấy, trong nhận thức của dân gian, bà Thủy Long cũng chính là “Bà Thủy”, “Mẫu Thủy” thuộc hệ tín ngưỡng Ngũ Hành.

Ngoài tư cách là vị thần cai quản những thủy vực rộng lớn và quen thuộc với chúng ta như sông biển, đầm hồ và bảo trợ cho những người làm nghề đánh cá, phạm vi quyền lực của bà Thủy Long còn lan rộng đến giếng nước, cù lao, hải đảo và bảo trợ cho cả dân thương hồ, hải thương làm nghề buôn bán trên sông biển. Thậm chí, bà Thủy Long còn được xem là một dạng hóa thân của bà Thiên Y A Na hoặc bà Thủy hay nữ thần Nước [11; 33]. Theo đó, “Nhiều vùng ven biển, ven sông xây miếu thờ Thủy Long thần nữ to lớn và được nhân dân tôn sùng hơn cả Thành hoàng bản cảnh” [12; 585].

Tại An Khê, tín ngưỡng thờ bà Thủy Long hẳn bắt nguồn từ các di dân vùng duyên hải miền Trung kế cận như Bình Định, Phú Yên, Quảng Nam, Quảng Ngãi. Trong bài văn cúng năm 1894, bà Thủy Long được tôn xưng là “Thủy Long Thần Nữ Nương Nương” với mỹ hiệu “Diệu linh Quảng tế Chiêu ứng Mục uyên Hoàng bác” (những lời tán dương do con người dựa vào đặc tính của nước gán cho thần với các đức tính gắn liền với đặc tính của nước: huyền diệu, sâu xa, rộng lớn), xếp vào bậc cao nhất là Thượng đẳng thần. Xét trên phạm vi toàn tỉnh Gia Lai, miếu An Xuyên là nơi duy nhất thờ bà Thủy Long với tư cách là thần chủ, tòng tự là các vị thủy thần khác: Hà Bá, Lang Lại (rái cá).

3.2.2. Chúa Ngung Man Nương 主隅蠻娘

Cũng gọi là Chủ Ngung Man Nương. Bà được dân gian xem là người cai quản vùng rừng núi, đất đai xa xôi có các buôn làng người Thượng sinh sống.

Suy luận từ mặt chữ, thì “Chúa Ngung Man Nương” hay “Chủ Ngung Man Nương” có nghĩa đen là: bà chúa của núi rừng người thượng. Bà

còn tên khác là “Chúa Ngung Đào Lương”, “Ngung Man Nương” và có khi được đồng hóa với Thiên Y A Na, Bà Chúa Tiên, Bà Chúa Xứ, gắn với tín ngưỡng thờ nữ thần của người Chăm [13].

Tục thờ Chúa Ngung Man Nương gắn với tục và lễ “tá thổ” thịnh hành ở Khánh Hòa, Phú Yên. Theo kết quả thực địa của chúng tôi, trước đây ở Cừu An có tục này, nhưng sau đó đã bị bãi bỏ. Tổng hợp các thông tin thu được: Thứ nhất là lễ cúng “trả thổ” (tên khác: “mượn đất”, “tá thổ”) liên quan đến truyền thuyết khi người Kinh lên An Khê khai khẩn làm ăn thường thất bát lại hay gặp tai họa, ốm đau, người ta cho rằng do ở đất của bà “Chúa Ngung Man Nương” (tức bà Chúa Xứ, người bản địa, chủ nhân trước của vùng đất này) mà không xin phép cúng quảy nên bà giận mà trừng phạt, vì vậy phải viết giấy mượn đất (tá thổ) ở nhà, làm thuê trên đất của bà thì bà mới không trách phạt. Giấy mượn đất đó chỉ có hiệu lực một thời gian, nên phải định kỳ làm lễ “trả thổ” viết giấy thuê lại làm tiếp, cứ như thế. Lễ này xưa phổ biến, nhưng nay không còn. Chúng tôi cũng không tìm ra văn bản lễ tế này ở Cừu An.

3.2.3. Vạn Phước Phu Nhân 萬福夫人

Nhân vật huyền thoại này xuất hiện khá nhiều trong văn cúng tại các đình miếu ở Cừu An, tìm kiếm rộng rãi để biết rõ gốc tích, chúng tôi cũng thấy nữ thần này hiện diện trong văn tế ở một số đình miếu tại Bình Định, Khánh Hòa, Phú Yên.

Trong lễ cúng đất ở thôn Đông Thân, huyện Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa, thấy nhắc đến bàn thờ “Bà Hậu Thổ” và trong văn cúng có xưng tên “Chúa Ngung Man Nương”, phân thỉnh linh có xưng tên “Thừa Thiên Hoàng Hậu Vạn Phước Phu Nhân” [14]. Trong lễ tá thổ ở Hội An (còn gọi là lễ “mãi thổ”) không thấy tên Bà Thiên Y, nhưng có tên “Khai Hoàng Đại Đế Hậu Thổ Vạn Phước Phu Nhân” và “Chúa Ngung Man Nương” [15]. Ngoài ra nhiều tỉnh miền trung khác, trong văn cúng đất cũng thấy nhắc đến

“Vạn Phước Phu Nhân”, “Chúa Ngung Man Nương” (tên khác: Tứ phương Chủ Ngung Man Nương Đồ Lương Ban Nguyễn Thị Thúc Thổ Trạch chi Thần) thấy ở Quảng Nam [16]. Một nghiên cứu từ nước ngoài cho biết, “Vạn Phước Phu Nhân” là vợ của “Khai Hoàng Đại Đế Hậu Thổ Nguyên Quân” [17; 12].

Như vậy, “Vạn Phước Phu Nhân” có thể là “Mẹ Đất” hay nữ thần cai quản đất đai và tục cúng đất gắn liền với tên của bà phổ biến ở khu vực miền trung, rồi theo các lưu dân lên An Khê, tiếp tục trở thành một tín ngưỡng dân gian quan trọng của cư dân nông nghiệp.

3.2.4. Hỏa Hồng Thần Nữ (火紅神女)

Tại đình Tân An, khám thờ Ngũ Đức Tôn Thần đặt ở sân đình, phía trước chánh điện, mé trái nhìn từ ngoài vào và được người địa phương gọi là “Dinh Cô”. Diện tích ban thờ của “Dinh Cô” khá nhỏ hẹp, chỉ vừa đủ để bát hương, đèn nến và khay nước, bình hoa, tuy vậy có điều đáng chú ý là, những “mạnh thường quân” đến đình Tân An lại thường quan tâm và cúng Dinh Cô lớn hơn so với Điện Thành Hoàng hay Nhà Tiền Nhân, Nhà Âm Linh.

Giữa khám Dinh Cô có 2 chữ Nho lớn “THẦN NỮ 神女” viết bằng sơn son trên nền vôi tô vàng, hai bên có liễn đối chữ vàng nền đỏ cùng được bài trí trên nền vôi vữa tô màu, ngoài ra không có hình ảnh hay tượng thờ gì khác. Nguyên văn liễn đối: “Thần ngự uy linh huân chính khí; Nữ linh diệu ứng tạo huyền cơ”, nghĩa là: Oai linh của thần hun đúc chính khí; Sự linh ứng của thần tạo ra màu nhiệm.

Đối chiếu với văn bản văn tế hiện được lưu giữ và sử dụng chính thức trong các nghi lễ của đình Tân An, sẽ thấy việc thờ phụng nữ thần ở đây còn nhiều đặc điểm đáng chú ý khác. “Kim Mộc Thủy Hỏa Thổ Ngũ Đức Tôn Thần” ghi trong sắc phong thi tại văn tế được ghi là “Ngũ Hành Chư Cô”, hai cách gọi này tuy có khác nhau ít nhiều, nhưng về nghĩa đều là một. Ngoài ra, bản văn tế còn xưng tụng tôn danh đầu tiên là

“Thượng Giới Hòa Hồng Thần Nữ”, đây có lẽ chính là “Hòa Đức Thánh Phi” hoặc “Hòa Tinh Nương Nương” mà dân gian thường gọi là “Bà Hòa”, tức “Thần Lửa”. Bởi “Dinh Cô” thuộc đình Tân An xưa kia được lập bên cạnh chợ, nên dân chúng thờ “Bà Hòa” để cầu mong sự yên lành, hạn chế hỏa hoạn. Như chúng ta biết, hỏa hoạn là tai họa đáng sợ nhất và dễ xảy ra tại các khu chợ, nó đã đến thì thường thiêu rụi toàn bộ của cải và có khi có thiệt hại về người, vì vậy dân chúng, nhất là các tiểu thương rất sợ hỏa hoạn, lập ra “Dinh Cô” để cúng tế. Vì vậy, có thể nói, vị thần quan trọng nhất ở “Dinh Cô”, thậm chí quan trọng nhất, có “thực quyền” “thực vị” nhất trong số những vị thần được thờ cúng ở đình Tân An, mà dân gian tín ngưỡng là “Hòa Hồng Thần Nữ” hay còn gọi “Bà Hòa”.

3.2.5. Bạch Thố Kim Tinh (白兔金精)

Đây là một vị thần khá lạ lẫm với đa số người Việt Nam, bởi phạm vi tín ngưỡng Bạch Thố Kim Tinh khá hẹp. Tuy nhiên, tại vùng Hội An, tín ngưỡng này lại là một nét đặc sắc.

Trong văn cúng tại đình Tân An, vị thần này có tôn hiệu đầy đủ là “Trung Động Bạch Thố Kim Tinh Thần Nữ Nương Nương”. Dân gian thường gọi tên vị thần này một cách ngắn gọn là “Bà Bạch” (như “Lăng Bà Bạch” ở Cù lao Chàm). Tuy nhiên, nguồn gốc của bà Bạch tại Việt Nam còn bao phủ trong màn sương huyền bí, bởi ít thấy nơi thờ cúng và gần như không có tài liệu nào trong nước ghi chép.

Theo sự tìm hiểu và suy luận của chúng tôi, gốc gác của bà có thể ở tận Nhật Bản theo các thương nhân xứ Phù Tang du nhập vùng Hội An, Quảng Nam nước ta rồi theo di dân xứ Quảng lên cao nguyên An Khê. Trong tín ngưỡng của người Nhật, vị thần này có quyền năng tiêu trừ các bệnh ngoài da, se duyên cho nam nữ, giúp những người làm ăn xa quê sớm thành công hồi hương. Hội An đối với người Nhật là đất khách, An Khê đối với người Việt cũng xưa là đất khách, vì thế những người tha phương như họ

cùng chung niềm hoài vọng cố hương. Tuy nhiên, sau khi sang Việt Nam, tín ngưỡng Bạch Thố của người Nhật đã được người Việt bản địa hóa, cho nhập vào hệ thống tín ngưỡng nữ thần.

4. Thảo luận

Quan sát hệ thống thần nữ dân gian của người Kinh được thờ phụng tại Gia Lai, bao gồm cả các vị có sắc phong và những vị ngoài sắc phong, có thể thấy được tính tiếp xúc giao lưu của nhiều hệ văn hóa khác nhau. Có thể tạm chia hệ thống thần nữ tại Gia Lai thành 2 nhóm.

Nhóm thứ nhất là các vị thần có tính chất bản địa, được những dân tộc cư trú lâu đời tại địa phương (Jarai, Bana, Chăm) tôn thờ như Chúa Ngung Man Nương, Thiên Y A Na.

Nhóm thứ hai là những vị thần có nguồn gốc từ nước ngoài du nhập vào hệ thống tín ngưỡng của người Kinh và được Việt hóa, như Cửu Thiên Huyền Nữ, Bạch Thố Kim Tinh, Ngũ Hành Tiên Nương, Thủy Long Thần Nữ, Vạn Phước Phu Nhân.

Tại Gia Lai, riêng về nhóm những vị thần nữ có nguồn gốc từ người Kinh lại khá mờ nhạt, đền thờ mẫu cũng như tín ngưỡng Tứ phủ cũng từ xuất hiện tại Pleiku (sau này) nhưng nay gần như đã biến mất.

5. Kết luận

Hệ thống thờ nữ thần trong tín ngưỡng dân gian tại Gia Lai với nhiều nguồn gốc khác nhau, phổ biến dày đặc nhất là những vùng cư dân người Việt. Điều này, phản ánh tính chất đa diện và chủ động của người Kinh trong việc giao lưu, biến đổi và tiếp nhận tín ngưỡng.

Tín ngưỡng thờ nữ thần ở Gia Lai là một phần quan trọng trong thế giới tâm linh, tín ngưỡng của người Việt, là nét đẹp ăn sâu bám rễ trong đời sống tinh thần người Việt, phản ánh tư duy con người khi mới lên vùng đất mới với vô vàn khó khăn gian khổ, đòi hỏi con người phải tìm một thế giới tâm linh để gửi gắm niềm tin, ước vọng nơi quy tụ tinh thần đoàn kết dân tộc.

Tín ngưỡng thờ nữ thần ở Gia Lai được chính quyền phong kiến bảo trợ thể hiện trên cơ sở phong thần (từ nhất, trung, hạ đẳng thần), qua đó cũng thể hiện sức mạnh cai trị của chính quyền phong kiến với vùng đất biên viễn xa xôi - vùng đất được coi nguy hiểm - Tây Sơn thượng đạo.

Hiện tại, tín ngưỡng thờ nữ thần này đã mai một khá nhiều do sự phát triển và biến đổi của xã hội. Tín ngưỡng thờ thần nữ trước kia dù vẫn được duy trì trong một phạm vi hẹp, nhưng bị nhiều người ngày nay xem như là một phương diện của văn hóa truyền thống đã thuộc về quá khứ. Chỉ có các vị thần trong tôn giáo (như Phật Bà Quan Âm trong Phật giáo, Đức Mẹ Maria trong Công giáo, Tây Vương Mẫu trong Đạo giáo) là vẫn được nhiều người tín phụng. Điều này cũng cho thấy tính bền vững về niềm tin trong tín ngưỡng dân gian không cao bằng trong tôn giáo.

Tài liệu tham khảo

- [1] Sakaya. (2013). “Sự hỗn dung văn hóa Chăm - Việt qua hiện tượng thờ nữ thần Po Ina Nagar ở miền Trung Việt Nam” (Bài in trong sách *Văn hóa thờ Nữ thần - Mẫu ở Việt Nam và Châu Á: Bản sắc và giá trị*). Hội Folklore Châu Á - Trung tâm Nghiên cứu và bảo tồn văn hóa tín ngưỡng Việt Nam. Hà Nội: Nxb Thế giới.
- [2] Vĩnh, L.T. (2011). *Di sản văn hóa Phú Yên*. Thừa Thiên Huế: Nxb. Thuận Hóa.
- [3] Sơn, L.H. (2023). “Lược khảo sắc phong thần ở Gia Lai” (Bài in trong sách *Nghiên cứu Hán Nôm năm 2023*). Viện Nghiên cứu Hán Nôm. Hà Nội: Nxb. Thế giới.
- [4] 周晓薇(Chu Hiểu Vi). (1991). 中国的战争女神——九天玄女 “Cửu Thiên Huyền Nữ - Nữ thần Chiến tranh của Trung Quốc”. 文史知识 (Tạp chí *Tri thức Văn Sử*), số 8.
- [5] Tráng, H.N; Tường, T.N; Tường H. (1993). *Đình Nam bộ - tín ngưỡng và nghi lễ*. TP.HCM: Nxb. Văn hóa - Văn nghệ.
- [6] Onishi Kazuhiko. (2011). “Bản về tín ngưỡng Cửu Thiên Huyền Nữ ở vùng Huế”. Tạp chí *Nghiên cứu và Phát triển*, số 2.
- [7] Lý, P.T.H. (2013). “Miếu Thiên Hậu ở Phước Kiến và sự hỗn dung văn hóa” (Bài in trong sách *Văn hóa thờ Nữ thần - Mẫu ở Việt Nam và Châu Á: Bản sắc và giá trị*). Hội Folklore Châu Á - Trung tâm Nghiên cứu và bảo tồn văn hóa tín ngưỡng Việt Nam. Hà Nội: Nxb. Thế giới.
- [8] Phương, T.H.M. (2013). “Tín ngưỡng thờ Mẫu của người Hoa ở Thành phố Hồ Chí Minh - tiếp cận từ lý thuyết chức năng” (Bài in trong sách *Văn hóa thờ Nữ thần - Mẫu ở Việt Nam và Châu Á: Bản sắc và giá trị*). Hội Folklore Châu Á - Trung tâm Nghiên cứu và bảo tồn văn hóa tín ngưỡng Việt Nam. Hà Nội: Nxb. Thế giới.
- [9] Thịnh, N.V. (2023). *Tín ngưỡng thờ Cửu Thiên Huyền Nữ ở Hội An*. Truy cập ngày 10/3/2024, từ <https://hoianheritage.net/>.
- [10] Hải, P.T; Toán, L.T. - chủ biên (Trung tâm Bảo tồn di tích Cố đô Huế). (2014). *Sắc phong triều Nguyễn trên địa bàn Thừa Thiên Huế*. Thừa Thiên Huế: Nxb Thuận Hóa.
- [11] Tuấn, H.T. (2015). *Di sản Hán Nôm tại Đà Nẵng*. Đà Nẵng: Nxb Đà Nẵng.
- [12] Bảo tàng Đồng Nai (Toại, T.Q. - chủ biên). (2013). *Nghi và văn cúng chữ Hán ở thành phố Biên Hòa*. Đồng Nai: Nxb. Đồng Nai.
- [13] Nam, N.Đ. (2015). *Tá thổ*. Truy cập ngày 9.5.2024, từ <http://baoquangnam.vn>.
- [14] Nhiên, N.M; Dương, N.T. (2011). *Lễ cúng đất (cúng lệ) ở nông thôn Khánh Hòa xưa*. Truy cập ngày 9.5.2014, từ <http://www.ninhhoatoday.net/>.
- [15] Trung, N.C. (2015). *Lễ tết/tiết, lễ lệ, lễ tục*. Truy cập ngày 9.5.2014, từ <https://hoianheritage.net/>.
- [16] Chung, Đ.V. (2010). *Văn cúng đất*. Truy cập ngày 9.5.2015, từ <https://chungdongt.violet.vn/>.
- [17] Patrick McAllister. (2014). *The village in the city: cúng xóm ('hamlet worship') in Hồ Chí Minh City during Tết, the lunar New Year festival*. Competence Network DORISEA - Dynamics of Religion in Southeast Asia. Truy cập ngày 9.5.2024, từ <https://www.academia.edu/>.